

Số: 05/2022/QĐST-DS

NS, ngày 23 tháng 5 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH  
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**

**V/v: Yêu cầu xét miễn nghĩa vụ thi hành án  
đối với các khoản thu nộp ngân sách Nhà nước.**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NS, TỈNH NINH THUẬN**

***Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp:*** Ông Đạo Văn Đậu

***Thư ký phiên họp:*** Ông Võ Minh Trường- Thư ký Tòa án nhân dân huyện NS, tỉnh Ninh Thuận.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện NS, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên họp:*** Ông Hoàng Giữ Vần - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện NS, tỉnh Ninh Thuận mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 67/2022/TLST-DS ngày 06/5/2022 về việc: “Yêu cầu xét miễn nghĩa vụ thi hành án đối với các khoản thu nộp ngân sách Nhà nước” Theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 07/2022/QĐST-DS ngày 17/5/2022, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

***1. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*** Chi cục Thi hành án dân sự huyện NS

***Người đại diện theo pháp luật:*** Ông Thành Ngọc Th - Chức vụ: Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện NS.

***Người đại diện theo ủy quyền:*** Ông Đinh Đức Tr - Chức vụ: Chi cục phó Chi cục Thi hành án dân sự huyện NS.

Theo Văn bản ủy quyền số: 65/QĐ-CCTHADS ngày 10/5/2022. (Có mặt)

***2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** Bà Hồ Thị Phương D, sinh năm: 1978. Trú tại: KP4, TT TS, huyện NS, tỉnh Ninh Thuận. (Vắng mặt)

**NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:**

***Theo Văn bản số: 23/CCTHADS ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện NS, cũng như tại phiên họp giải quyết việc dân sự; Người đại diện theo ủy quyền của Chi cục Thi hành án dân sự huyện NS - Ông Đinh Đức Tr trình bày:***

Căn cứ Bản án số: 06/2012/HNGĐ-ST ngày 23/3/2012 của Tòa án nhân dân huyện NS, tỉnh Ninh Thuận, Chi cục trưởng Chi cục thi hành án dân sự huyện NS đã ban hành Quyết định số: 114/QĐ-CCTHA ngày 02/5/2012 về việc thi hành án đối với bà Hồ Thị Phương D, sinh năm: 1978, trú tại: KP4, TT TS, huyện NS, tỉnh Ninh Thuận. Theo quyết định thi hành án, bà Dung phải nộp 2.402.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Đến nay, bà Dung chưa thi hành.

Quá trình tổ chức thi hành án, qua xác minh điều kiện thi hành án được biết: Bà Dung đã bỏ địa phương. Hiện nay, tại địa phương bà Dung không có tài sản gì để đảm bảo thi hành án. Chi cục trưởng Chi cục thi hành án dân sự huyện NS cũng đã ra Quyết định về việc chưa có điều kiện thi hành án đối với bà Dung.

Đối chiếu với quy định tại khoản 1, 5 Điều 61 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) và Điều 2 của Thông tư liên tịch số: 12/2015/TTLT-BTP-BTC-TANDTC-VKSNDTC ngày 15/9/2015 của Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao hướng dẫn việc miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án đối với khoản thu nộp ngân sách Nhà nước thì bà Dung đủ điều kiện để xét miễn nghĩa vụ thi hành khoản án phí nêu trên.

Tại phiên họp giải quyết việc dân sự, ông Đinh Đức Tr là người đại diện theo ủy quyền của Chi cục thi hành án dân sự huyện NS vẫn giữ nguyên yêu cầu.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Hồ Thị Phương D đã bỏ địa phương đi nơi khác làm ăn: Vắng mặt tại phiên họp giải quyết việc dân sự.*

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện NS tại phiên họp, cụ thể như sau:* Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự, đã được thẩm tra tại phiên họp: Đề nghị Tòa án căn cứ vào khoản 9 Điều 27, Điều 488 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 61, 63, 64 của Luật thi hành án dân sự và Điều 2 và Điều 4 của Thông tư liên tịch số: 12/2015/TTLT-BTP-BTC-TANDTC-VKSNDTC ngày 15/9/2015 của Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao hướng dẫn việc miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án đối với khoản thu nộp ngân sách nhà nước. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của Chi cục Thi hành án dân sự huyện NS; Miễn nghĩa vụ thi hành khoản án phí nêu trên cho bà Dung.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự đã được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của người đại diện Chi cục thi hành án dân sự huyện NS và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện NS, tỉnh Ninh Thuận nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Xác định yêu cầu việc dân sự: Chi cục Thi hành án dân sự huyện NS yêu cầu Tòa án nhân dân huyện NS xem xét miễn nghĩa vụ thi hành khoản án phí dân sự sơ thẩm cho bà Hồ Thị Phương D. Tòa án xác định đây là việc dân sự: “Yêu cầu xét miễn nghĩa vụ thi hành án đối với các khoản thu nộp ngân sách Nhà nước” quy định tại khoản 9 Điều 27 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết việc dân sự: Chi cục Thi hành án dân sự huyện NS có trụ sở tại KP3, TT TS, huyện NS, tỉnh Ninh Thuận. Căn cứ vào khoản 1 Điều 488 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Việc dân sự này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện NS. Bà Dung đã đi khỏi địa phương nơi cư trú, vắng mặt tại phiên họp. Căn cứ vào khoản 3 Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Tòa án vẫn tiến hành phiên họp giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: *Xét yêu cầu của Chi cục Thi hành án dân sự huyện NS về việc: “Yêu cầu Tòa án xét miễn nghĩa vụ thi hành án của Hồ Thị Phương D đối với khoản thu nộp ngân sách Nhà nước”.*

Thấy rằng: Ngày 31/3/2022, Chi cục Thi hành án dân sự huyện NS - có Văn bản số: 23/CCTHADS đề nghị Tòa án nhân dân huyện NS xét miễn nghĩa vụ thi hành khoản án phí dân sự sơ thẩm đối với bà Hồ Thị Phương D số tiền là: 2.402.000 đồng. Theo Quyết định số: 114/QĐ-CCTHA ngày 02/5/2012 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện NS về việc: Thi hành án chủ động, cùng với Biên bản xác minh điều kiện thi hành án ngày 16/9/2014 và ngày 22/9/2015, ngày 29/3/2016, ngày 05/9/2016, ngày 30/3/2017, ngày 20/9/2017, ngày 21/8/2018, ngày 10/3/2020, ngày 11/9/2020, ngày 16/3/2021, ngày 21/6/2021, ngày 28/3/2022 của Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện NS thể hiện: Bà Hồ Thị Phương D đã bỏ địa phương đi nơi khác làm ăn. Hiện nay, tại địa phương bà Dung không có tài sản gì để đảm bảo thi hành án. Ngoài ra, Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện NS cũng đã ra Quyết định số: 48/QĐ-CCTHADS ngày 25/6/2021 về việc chưa có điều kiện thi hành án đối với bà Dung. Việc tổ chức thi hành án đến nay đã hơn 05 năm nhưng bà Dung chưa thi hành được khoản án phí nêu trên để thu nộp Ngân sách nhà nước.

Sau khi xem xét hồ sơ đề nghị của Chi cục Thi hành án dân sự huyện NS thì bà Dung đủ điều kiện để được miễn nghĩa vụ thi hành án. Hồ sơ đề nghị phù hợp với khoản 1, khoản 5 Điều 61 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) và Điều 2, Điều 4 của Thông tư liên tịch số: 12/2015/TTLT-BTP-BTC-TANDTC-VKSNDTC ngày 15/9/2015 của Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao hướng dẫn việc miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án đối với khoản thu nộp ngân sách Nhà nước nên được Tòa án chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 9 Điều 27 và Điều 488 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1, khoản 5 Điều 61, Điều 63 và 64 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ vào Điều 2 và Điều 4 của Thông tư liên tịch số: 12/2015/TTLT-BTP-BTC-TANDTC-VKSNDTC ngày 15/9/2015 của Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao hướng dẫn việc miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án đối với khoản thu nộp ngân sách Nhà nước;

1. Chấp nhận yêu cầu của Chi cục Thi hành án dân sự huyện NS, về việc: “Yêu cầu xét miễn nghĩa vụ thi hành án đối với các khoản thu nộp ngân sách Nhà nước”.

2. Bà Hồ Thị Phương D, sinh năm: 1978, trú tại: KP4, TT TS, huyện NS, tỉnh Ninh Thuận được miễn nộp số tiền là: 2.402.000 đồng (Hai triệu bốn trăm lẻ nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Chi cục Thi hành án dân sự huyện NS không phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự.

4. Viện kiểm sát nhân dân huyện NS có quyền kháng nghị Quyết định này trong thời hạn 07 ngày và Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận có quyền kháng nghị Quyết định này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện NS;
- Chi cục THADS huyện NS;
- Sở Tư pháp tỉnh Ninh Thuận;
- Bà Hồ Thị Phương D;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỢP**

**Đạo Văn Đẩu**

Mẫu số 22-VDS (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐTP ngày 09 tháng 8 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN NHÂN DÂN.....<sup>(1)</sup>  
-----

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
-----

Số: ...../...../QĐST-.....<sup>(2)</sup>

....., ngày ..... tháng .... năm .....

### QUYẾT ĐỊNH

### SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

V/V<sup>(3)</sup> .....

TÒA ÁN NHÂN DÂN .....

#### **Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông (Bà) .....

Các Thẩm phán: <sup>(4)</sup> Ông (Bà) .....

Ông (Bà) .....

Thư ký phiên họp: Ông (Bà) <sup>(5)</sup> .....

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân** ..... **tham gia phiên họp:**  
Ông (Bà)..... - Kiểm sát viên.

Ngày..... tháng..... năm....., tại<sup>(6)</sup> .....mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số ....../....../TLST-.... ngày.... tháng .... năm.... về việc<sup>(7)</sup> .....theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số ...../ ...../QĐST-..... ngày.... tháng.... năm....., gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:<sup>(8)</sup> .....

.....

Người đại diện hợp pháp của người yêu cầu giải quyết việc dân sự:<sup>(9)</sup> .....

.....

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người yêu cầu giải quyết việc dân sự: <sup>(10)</sup> .....

.....

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:<sup>(11)</sup> .....

.....

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:<sup>(12)</sup> .....

.....

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: <sup>(13)</sup> .....

.....

- Người làm chứng (nếu có):<sup>(14)</sup> .....

.....

- Người phiên dịch (nếu có):<sup>(15)</sup> .....

- Người giám định (nếu có):<sup>(16)</sup> .....

**NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:<sup>(17)</sup>**

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân .....nhận định.<sup>(18)</sup>

[1] .....

[2] .....

[3] .....

**QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ<sup>(19)</sup> .....

-<sup>(20)</sup> .....

- Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự<sup>(21)</sup> .....

- Quyền kháng cáo, kháng nghị<sup>(22)</sup> .....

- Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án<sup>(23)</sup> .....

**Nơi nhận:**

- Ghi theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 370 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP<sup>(24)</sup>**

*(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

**Hướng dẫn sử dụng mẫu số 22-VDS:**

(1) Ghi tên Tòa án ra quyết định; nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm, ô thứ ba ghi ký hiệu loại quyết định (ví dụ: “Số: 20/2018/QĐST-KDTM”).

(3) Ghi loại việc dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết.

(4) Nếu việc dân sự do một Thẩm phán giải quyết thì không cần ghi nội dung này.

(5) Ghi họ tên, chức danh của Thư ký phiên họp.

(6) Ghi địa điểm diễn ra phiên họp (ví dụ: trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định).

(7) Ghi số, ký hiệu, ngày tháng năm thụ lý việc dân sự và loại việc dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết.

(8) Nếu người yêu cầu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên cần ghi thêm ngày, tháng, năm sinh của người đó; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó.

(9) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của người yêu cầu và ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu; nếu là người đại diện theo pháp luật thì ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với người yêu cầu; nếu là người đại diện theo ủy quyền thì ghi chú trong ngoặc đơn “văn bản ủy quyền ngày ... tháng ... năm .....”

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A, trú tại..... là người đại diện theo pháp luật của người yêu cầu (Tổng Giám đốc Công ty cổ phần xây dựng Tân Phước Thịnh).

Ví dụ 2: Bà Lê Thị B, trú tại .....là người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu (Văn bản ủy quyền ngày..... tháng.... năm....).

(10) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người yêu cầu và ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào); nếu có nhiều người yêu cầu thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người yêu cầu nào.

(11) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (8).

(12) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (9).

(13) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (10).

(14) Ghi họ tên và địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người làm chứng.

(15) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người phiên dịch; nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ nơi cư trú.

(16) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người giám định; nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ nơi cư trú.

(17) Ghi rõ những nội dung mà người yêu cầu yêu cầu Tòa án giải quyết.

(18) Ghi nhận định của Tòa án và những căn cứ để chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu. Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(19) Ghi rõ điểm, khoản, điều luật tương ứng của Bộ luật Tố tụng dân sự và pháp luật liên quan để ra quyết định.

(20) Ghi các quyết định của Tòa án về giải quyết việc dân sự.

(21) Ghi rõ những người phải nộp lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự và mức lệ phí mỗi người phải nộp; nếu thuộc trường hợp không phải nộp (hoặc được miễn, giảm) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự thì ghi rõ là không phải nộp (hoặc được miễn, giảm) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

(22) Ghi quyết định của Tòa án về quyền kháng cáo, kháng nghị của đương sự và Viện kiểm sát.

(23) Chỉ ghi quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án dân sự đối với những quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 Bộ luật Tố tụng dân sự.

(24) Trường hợp việc dân sự do một Thẩm phán giải quyết thì ghi:

**“THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**  
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)”

